

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/DS-PT  
Ngày: 19-4-2019  
V/v: Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết  
*Các Thẩm phán:* Bà Vũ Thị Mai Hương  
Ông Nguyễn Tiến Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2019/TLPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 52/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Cụ Vũ Thị H; sinh năm 1932; ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

**- Bị đơn:**

1. Ông Phạm Văn C; sinh năm 1950.

2. Bà Phạm Thị M; sinh năm 1958.

Đều ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị M:* NLQ 12; sinh năm 1982; ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. NLQ1; sinh năm 1958.

2. NLQ2; sinh năm 1960.

Đều ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

3. NLQ3; sinh năm 1962; ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Nam Định.

4. NLQ4; sinh năm 1963

5. NLQ5; sinh năm 1965

6. NLQ6, sinh năm 1967

7. NLQ7, sinh năm 1972

Đều ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

8. NLQ8, sinh năm 1970.

ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

9. NLQ9; sinh năm 1978; ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

10. NLQ10; sinh năm 1981; cư trú tại: Xóm 5, xã L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

11. NLQ11; sinh năm 1985; cư trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của cụ Vũ Thị H, NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11: NLQ5 (Theo giấy ủy quyền lập ngày 17/4/2019).*

12. NLQ 12; sinh năm 1982

13. NLQ13; sinh năm 1990

Đều ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

*- Người làm chứng:*

1. NLC1; cư trú tại: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. NLC2; cư trú tại: Đội 2, Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

*- Người kháng cáo: NLQ 12 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.*

Tại phiên tòa: Có mặt NLQ5 và NLQ 12; vắng mặt các đương sự khác.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 05-10-2017; bản tự khai ngày 09-10-2017 và ngày 19-4-2018, nguyên đơn cụ Vũ Thị H trình bày: Cụ và cụ Phạm Văn N sinh được 10 người con gồm: Ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị H, NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ8, NLQ7. Hiện nay tất cả những người con của hai cụ đều đã lập gia đình và ở riêng. Cụ N mất vào ngày 04-9-2010, bà Phạm Thị H mất

vào khoảng tháng 4-2014, bà Phạm Thị H có 3 người con là các NLQ9, NLQ10, NLQ11. Hai cụ có khối tài sản chung gồm: 01 thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10-II, diện tích 270 m<sup>2</sup> ở Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 707637 ngày 18-12-2004, mang tên Phạm Văn N và Vũ Thị H. Các tài sản gắn liền trên thửa đất có 05 gian nhà cấp bốn, xây gạch bi, lợp ngói đỏ; 03 gian bếp, xây gạch đỏ, lợp ngói đỏ; tường bao xung quanh thửa đất và một số đồ dùng sinh hoạt khác trong nhà. Ngày 28-01-2006, cụ và cụ N cùng với những người con đã bàn bạc thống nhất sau khi hai cụ mất đi thì toàn bộ khối tài sản chung của hai cụ sẽ thừa kế cho con trai trưởng là ông Phạm Văn C và cùng ngày hai cụ đã lập bản di chúc thừa kế các tài sản đó cho ông C. Đến ngày 20-3-2006 hai cụ đã đưa di chúc đến UBND xã L, huyện V, tỉnh Nam Định để chứng thực di chúc sau đó hai cụ đã giao di chúc và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C quản lý. Nhưng hai cụ vẫn sử dụng các tài sản ghi trong di chúc cho đến khi cụ N mất. Do các công trình xây dựng cũ đã xuống cấp, không còn sử dụng được nữa nên sau khi cụ N mất được một thời gian cụ và những người con (trong đó có cả ông C) đã họp bàn, thống nhất phá bỏ các công trình xây dựng cũ đi để xây dựng nhà mới cho cụ ở và thờ cúng ông, bà, tổ tiên. Sau khi thống nhất cụ đã phá bỏ các công trình xây dựng cũ đi và xây dựng các công trình mới gồm: 01 nhà mái bằng 03 gian ở phía Tây thửa đất, 01 bếp bán mái, 01 công trình phụ (gồm nhà tắm + nhà vệ sinh), 01 bể nước, 01 sân, tường bao, tường hoa trên một phần diện tích đất ở phía Tây của thửa đất số 43; phần diện tích đất còn lại ở phía Đông của thửa đất số 43 thì vào khoảng năm 2013 vợ, chồng ông C đã xây dựng 01 nhà mái bằng, 01 công trình phụ bán mái, 01 mái tôn, 01 sân bê tông ở đằng trước và 01 sân đổ xỉ vôi ở đằng sau và 02 đoạn tường bao tiếp giáp với thửa đất của bà Đào sau đó vợ chồng ông C đã cho vợ chồng NLQ 12, NLQ13 sang ở tại ngôi nhà của vợ chồng ông C xây dựng và đến năm 2017, vợ chồng NLQ 12 xây dựng thêm 01 lán kho bán mái, lợp tôn nằm liền kề với sân bê tông của cụ. Mục đích của hai cụ và những người con lập di chúc thừa kế tài sản cho ông C để vợ chồng ông C có trách nhiệm với hai cụ lúc hai cụ còn sống và thờ cúng tổ tiên khi hai cụ mất, thế nhưng sau khi bàn giao di chúc và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C thì vợ chồng ông C không có trách nhiệm, nghĩa vụ gì với hai cụ và sau khi cụ N mất đi thì ông C còn cho rằng hai cụ đã bàn giao tài sản cho ông C rồi nên các tài sản đó thuộc quyền của ông C nếu cụ muốn làm gì trên thửa đất số 43 thì phải hỏi và phải được sự đồng ý của ông C thì mới được làm, hơn nữa trong thời gian gần đây giữa cụ với ông C và NLQ 12 có xảy ra mâu thuẫn với nhau, nhiều lần vợ chồng NLQ 12 đi làm khóa hết cổng lại nên cụ không đi đâu được. Do đó cụ không đồng ý thừa kế phần tài sản của cụ trong khối tài sản chung của hai cụ cho ông C nữa. Về khối tài sản chung của cụ và cụ N hiện nay chỉ còn có thửa đất số 43, còn các công trình xây dựng và đồ đạc sinh hoạt thì đã phá dỡ và hư hỏng hết. Cụ đòi lại 1/2 diện tích đất của thửa đất số 43, không di chúc cho ông C nữa, nhưng vợ chồng ông C và NLQ 12 không đồng ý, nên buộc cụ phải khởi kiện. Cụ đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

Sửa đổi một phần bản di chúc của cụ và cụ N lập ngày 28-01-2006 về phần tài sản của cụ H trong khối tài sản chung của cụ và cụ N đã di chúc thừa kế cho

ông C hiện còn là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10-II, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

Buộc ông C và bà M trả lại cho cụ H 1/2 diện tích đất của thửa đất số 43, tại vị trí phía Tây của thửa đất, nơi có nhà mái bằng cụ H đang ở. Nếu 03 gian nhà mái bằng cụ đang ở mà dài hơn một nửa của thửa đất thì cụ đề nghị cất đất ở phía trước và phía sau của ngôi nhà để giao cho vợ, chồng ông C cho đủ 135 m<sup>2</sup> theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần diện tích đất còn lại của thửa đất có bao nhiêu thì cụ quản lý, sử dụng hết bấy nhiêu. Nếu phần diện tích đất của cụ được giao mà có công trình xây dựng và cây cối hoa màu của vợ, chồng ông C và vợ chồng NLQ 12 thì cụ xin nhận để sử dụng và nếu vợ chồng ông C và vợ chồng NLQ 12 yêu cầu cụ phải thanh toán giá trị thì cụ đồng ý thanh toán theo giá mà Hội đồng định giá tài sản đã định giá.

Về phần tài sản của cụ N trong khối tài sản chung của cụ H và cụ N đã di chúc cho ông C còn lại hiện nay cụ và những người con khác không có ý kiến gì, nhất trí để cho ông C và cụ đề nghị Tòa án giao cho vợ chồng ông C 1/2 diện tích đất (135 m<sup>2</sup>) của thửa đất số 43, tại vị trí phía Đông của thửa đất, nơi có nhà mái bằng của vợ chồng ông C xây dựng. Nếu phần đất giao cho vợ chồng ông C mà có công trình xây dựng nào của cụ thì cụ tự nguyện để cho vợ chồng ông C sở hữu mà không phải thanh toán giá trị cho cụ. Nếu vợ chồng ông C không nhận thì cụ sẽ tự tháo dỡ đi để trả đất cho vợ chồng ông C.

Đối với các tài sản khác ghi trong bản di chúc hiện không còn, cụ không có ý kiến gì và không đề nghị Tòa án xem xét.

Về các công trình xây dựng và cây cối hoa màu trên thửa đất số 43 hiện nay cụ H xác định, cụ đã xây dựng các tài sản sau: Nhà mái bằng ở phía Tây của thửa đất cụ đang ở hiện nay; các công trình phụ ở phía sau nhà mái bằng cụ đang ở (gồm bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh, bể nước); đoạn tường bao ở phía sau thửa đất; 02 trụ cổng ở phía sau thửa đất; đoạn tường bao tiếp giáp với thửa đất của NLQ4; đoạn tường bao tiếp giáp với thửa đất của ông Sinh; đoạn tường bao tiếp giáp với đường dung của xóm; đoạn bờ tường hoa ở phía trước sân của cụ và sân của ông C; sân bê tông ở phía trước nhà mái bằng cụ đang ở; 04 cánh cổng sắt (ở phía trước 02 cánh, ở phía sau 02 cánh). Toàn bộ số tiền xây dựng các công trình nêu trên là của cụ đưa cho NLQ5 để NLQ5 trả tiền công thợ và tiền mua nguyên vật liệu. Vợ chồng ông C không có đóng góp tiền bạc gì mà chỉ thỉnh thoảng có đóng góp ngày công lao động.

Tài sản do vợ chồng ông C xây dựng gồm: Nhà mái bằng ở phía Đông của thửa đất, vợ chồng NLQ 12 đang ở hiện nay; công trình phụ bán mái ở phía sau nhà mái bằng vợ chồng NLQ 12 đang ở; mái tôn ở phía trước công trình phụ; 02 đoạn tường bao tiếp giáp với thửa đất của bà Đào; 02 trụ cổng ở phía trước thửa đất; sân bê tông ở phía trước nhà mái bằng vợ, chồng NLQ 12 đang ở; sân đổ xỉ vôi láng vữa xi măng ở phía sau thửa đất; các loại cây cối hoa màu gồm 01 cây táo, 01 cây bưởi, 01 cây na, 01 cây cau, 01 khóm đinh lăng.

Tài sản do vợ chồng NLQ 12 xây dựng chỉ có 01 cái lán kho bán mái, lợp tôn ở phía trước thửa đất.

Tại đơn đề nghị ngày 13-10-2017; bản tự khai ngày 09-11-2017; biên bản lấy lời khai ngày 13-10-2018, bị đơn là ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị M trình bày: Về mối quan hệ giữa ông C, bà M với cụ H, cụ N, cũng như việc cụ H và cụ N lập bản di chúc thừa kế các tài sản chung của hai cụ cho ông C vào ngày 28-01-2006 sau đó hai cụ đã giao bản di chúc và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C quản lý và việc thống nhất phá dỡ tài sản trên đất để làm lại đúng như cụ H đã trình bày. Sau khi thống nhất ông C đã cùng cụ H xây dựng mới 01 nhà mái bằng 03 gian cụ H đang ở và dãy công trình phụ ở phía sau ngôi nhà mái bằng để cụ H sử dụng. Đến khoảng năm 2015 ông bà xây dựng thêm 01 nhà mái bằng ở vị trí phía Đông của thửa đất, sau khi làm xong ông bà đã cho vợ chồng NLQ 12, NLQ13 sang ở tại ngôi nhà đó cho đến nay. Đến năm 2017 ông C còn đứng ra làm hộ cho vợ chồng NLQ 12 01 lán kho bán mái, lợp tôn ở phía trước cửa nhà mái bằng cụ H đang ở nhưng tiền để xây dựng cái lán kho đó là của vợ chồng NLQ 12. Ông C, bà M xác định chỉ có 01 lán kho bán mái, lợp tôn là tiền của vợ chồng NLQ 12, còn lại toàn bộ là tiền của ông bà bỏ ra để xây dựng và trồng cây. Đối với ngôi nhà mái bằng cụ H đang ở hiện nay cũng là tiền của ông bà đưa cho NLQ5 để NLQ5 trả công thợ xây và trả tiền mua nguyên vật liệu. Về khối tài sản chung của cụ H và cụ N hiện nay chỉ còn lại có thửa đất số 43, còn các tài sản khác đã phá dỡ và hư hỏng hết. Quan điểm của ông C, bà M là nhất trí trả lại cho cụ H 1/2 diện tích đất của thửa đất số 43, tại vị trí có nhà mái bằng cụ H đang ở nhưng phải cắt đất thẳng theo chiều dọc của thửa đất, nếu có phạm vào công trình xây dựng nào mà cụ H đang quản lý, sử dụng thì ông bà sẽ xây ngăn lại, chứ không phá dỡ ngay, chỉ khi nào cụ H chết thì ông bà mới phá dỡ. Về số tiền vợ chồng NLQ 12 bỏ ra để xây dựng 01 lán kho bán mái lợp tôn, ông bà yêu cầu cụ H phải thanh toán giá trị cho vợ chồng NLQ 12. Về các công trình xây dựng hiện nay cụ H đang quản lý, sử dụng mặc dù toàn bộ là tiền của ông bà bỏ ra, nhưng ông bà cho cụ H, nếu trên phần đất giao cho cụ H mà có công trình xây dựng và cây cối hoa màu của ông bà, thì ông bà cũng nhất trí giao hết cho cụ H sở hữu, cụ H không phải thanh toán giá trị cho ông bà. Ông C, bà M cũng nhất trí với việc cụ H và những người con của hai cụ đề nghị Tòa án giao phần quyền của cụ N còn lại hiện nay là 1/2 diện tích đất của thửa đất số 43 cho ông C.

Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ8, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ11, NLQ9, NLQ10 trình bày: Về mối quan hệ giữa các đương sự trong vụ án và các tình tiết của vụ án đúng như cụ H đã trình bày, mọi người đều nhất trí với yêu cầu khởi kiện và đề nghị của cụ H. Về phần tài sản của cụ N trong khối tài sản chung của cụ H và cụ N đã di chúc thừa kế cho ông C, mọi người đều nhất trí để cho ông C, không có ai có yêu cầu chia thừa kế, nếu như có được hưởng thì sẽ không nhận mà giao hết cho cụ H quản lý.

Tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa NLQ5 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là đại diện theo ủy quyền của cụ H, NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ7, NLQ6, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11 trình bày thống nhất như trình bày của cụ H đồng thời bổ sung chính NLQ5 là người trực tiếp đi thuê thợ

xây và đi mua nguyên vật liệu để xây dựng các công trình nêu trên và ông cũng là người trực tiếp cầm tiền của cụ H đưa cho để trả tiền công thợ xây và tiền mua nguyên vật liệu. Đề nghị cắt thẳng theo chiều dọc đất giao cho cụ H 142,5 m<sup>2</sup> đất của thửa đất số 43, tại vị trí cụ H đã xây dựng ngôi nhà mái bằng cụ H đang ở, giao cho ông C nửa diện tích đất còn lại.

Tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa NLQ 12 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông C, bà M trình bày: Về mối quan hệ giữa các đương sự trong vụ án và việc cụ N và cụ H lập bản di chúc để thừa kế các tài sản của hai cụ cho ông C là bố của anh cũng như việc cụ H, cụ N đã bàn giao di chúc và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng như cụ H đã trình bày. NLQ 12 xác định toàn bộ tài sản hiện nay trên đất do bố mẹ anh xây dựng. Việc cụ H và NLQ5 trình bày bố mẹ anh không có trách nhiệm với cụ H và cụ N là không đúng, việc cụ H kiện bố mẹ anh là do sự xúi giục của các cô chú, chứ cụ H không muốn kiện tụng gì. Về các yêu cầu khởi kiện của cụ H: NLQ 12 nhất trí, nhưng phải cắt đất thẳng dọc theo chiều dài của thửa đất. Nếu cắt đất mà phạm vào công trình xây dựng nào thì phá dỡ đi đến đó, chứ không được cắt đất lượn theo nhà như đề nghị của cụ H và NLQ5. Trường hợp nếu cụ H và NLQ5 đồng ý mở ngõ đi của cụ H ở phía sau thửa đất thì anh nhất trí cắt đất lượn như đề nghị của cụ H và NLQ5. Đối với lán kho bán mái lợp tôn nêu giao cho cụ H thì cụ H phải thanh toán giá trị tài sản trả cho bố mẹ anh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09-5-2018, người làm chứng ông Vũ Văn Hán và NLC2 trình bày: Ông Hán là chủ thầu xây dựng, vào cuối năm 2010 NLQ5 có thuê ông Hán xây dựng cho cụ H 03 gian nhà mái bằng ở phía Tây của thửa đất số 43. NLQ5 là người trực tiếp trả tiền công xây dựng cho ông Hán. Gia đình NLC2 làm nghề kinh doanh buôn bán vật liệu xây dựng, vào cuối năm 2010 NLQ5 có hợp đồng mua nguyên vật liệu xây dựng của NLC2 để xây dựng nhà ở cho cụ H, NLC2 đã cung cấp toàn bộ nguyên vật liệu để xây dựng 03 gian nhà mái bằng cho cụ H và NLQ5 là người trực tiếp trả tiền nguyên vật liệu cho NLC2.

Tại biên bản thu thập chứng cứ UBND xã L và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V cung cấp thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10-II, diện tích 270 m<sup>2</sup>; địa chỉ ở Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định là đất hợp pháp, đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mang tên người sử dụng đất là cụ Phạm Văn N và cụ Vũ Thị H. Về diện tích của thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 270 m<sup>2</sup>, nhưng qua thẩm định tại chỗ của Tòa án thì diện tích là 285 m<sup>2</sup>. Diện tích của thửa đất tăng 15 m<sup>2</sup> là do chênh lệch số liệu trong các lần đo đạc, trước đây là đo thủ công không được chính xác như đo bằng máy, đề nghị Tòa án công nhận toàn bộ diện tích đất hợp pháp của thửa đất số 43 là 285m<sup>2</sup> và đề nghị Tòa án giữ nguyên hiện trạng của các công trình xây dựng kiên cố mà các đương sự đã xây dựng trên thửa đất số 43.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 631, 633, 634, 635, 636, 646, 647, 648, 650, 652, 653, 656, 657, 662, 663, 664, 667, 668, 684 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều

611, 612, 613, 614, 624, 625, 626, 628, 630, 631, 634, 635, 640, 643, 659 và khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của cụ Vũ Thị H về việc yêu cầu sửa đổi bản di chúc của cụ Vũ Thị H và cụ Phạm Văn N lập ngày 28-01-2006 về phần tài sản của cụ Vũ Thị H trong khối tài sản chung của cụ Vũ Thị H và cụ Phạm Văn Nha đã di chúc thừa kế cho ông Phạm Văn C hiện còn và đòi lại 1/2 diện tích đất của thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10-II, địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định và giao 1/2 diện tích đất của thửa đất số 43 cho ông Phạm Văn C.

1. Sửa đổi bản di chúc của cụ Vũ Thị H và cụ Phạm Văn Nha lập ngày 28-01-2006 về phần tài sản của cụ Vũ Thị H trong khối tài sản chung của cụ Vũ Thị H và cụ Phạm Văn N đã di chúc thừa kế cho ông Phạm Văn C hiện còn là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10-II, diện tích 285m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định như sau:

Nay cụ Vũ Thị H không thừa kế 142,5m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10-II, địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định là phần tài sản của cụ Vũ Thị H trong khối tài sản chung của cụ Vũ Thị H và cụ Phạm Văn Nha hiện còn cho ông Phạm Văn C nữa.

2. Buộc ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị M trả cho cụ Vũ Thị H 142,5m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10-II, địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

3. Ông Phạm Văn C được hưởng di sản thừa kế của cụ Phạm Văn N để lại hiện còn là 142,5m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10-II, địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

4. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về những vấn đề như sau:

Giao các tài sản của ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị M xây dựng trên thửa đất số 43 cho cụ Vũ Thị H quản lý, sử dụng gồm: 01 bếp bán mái, lợp pibroximang, diện tích 10,08m<sup>2</sup>; 01 nhà tắm + nhà vệ sinh bán mái, lợp pibroximang, diện tích 4,94m<sup>2</sup>; 01 đám sân đỗ xe vôi láng vữa xi măng, diện tích 5,35m<sup>2</sup> và các loại cây cối hoa màu gồm: 01 cây táo; 01 cây bưởi; 01 cây cau; 01 khóm đình lăng. Nhưng cụ H không phải thanh toán giá trị tài sản cho ông C và bà M.

Giao tài sản của NLQ 12 và NLQ13 xây dựng trên thửa đất số 43 cho cụ Vũ Thị H quản lý, sử dụng gồm: 01 lán kho bán mái lợp tôn, diện tích 11,75m<sup>2</sup>. Nhưng cụ H phải thanh toán giá trị tài sản trả cho NLQ 12 và NLQ13.

Giao các tài sản của cụ Vũ Thị H xây dựng trên thửa đất số 43 cho ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị M quản lý, sử dụng gồm: 02 trụ cổng ở phía sau của

thửa đất; 01 đoạn tường bao tiếp giáp với đường sau làng, diện tích  $6,38\text{m}^2$ ; 01 đoạn bờ tường hoa liền kề với trụ cổng ở phía trước của thửa đất, diện tích  $2,2\text{m}^2$ ; 02 cánh cổng sắt ở phía trước của thửa đất, diện tích  $3,06\text{m}^2$ ; 02 cánh cổng sắt ở phía sau của thửa đất, diện tích  $2,56\text{m}^2$ . Nhưng ông C và bà M không phải thanh toán giá trị tài sản cho cụ H.

Cụ Vũ Thị H tự tháo dỡ một phần diện tích của bếp bán mái để trả đất cho ông C và phần đất giao cho ông C đến vị trí nào của bếp thì cụ H sẽ tự tháo dỡ bếp đi đến đó và tự xây tường lại.

5. Giao cho cụ Vũ Thị H được quyền quản lý, sử dụng và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật  $142,5\text{ m}^2$  đất tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10-II, địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã L, huyện V, có các cạnh như sau: Cạnh phía Đông tiếp giáp với phần đất giao cho ông Phạm Văn C và đường dong của xóm (hướng Bắc - Nam) một đoạn dài 05m, một đoạn dài 1,6m, một đoạn dài 7,2m, một đoạn dài 1,8m, một đoạn dài 8,7m, một đoạn dài 3,1m, một đoạn dài 1,8m; cạnh phía Tây tiếp giáp với thửa đất của NLQ4 dài 22,5m; cạnh phía Nam tiếp giáp với thửa đất của ông Hoàng Văn Sinh dài 8,3m; cạnh phía Bắc tiếp giáp với đường sau làng dài 05m.

Giao cho cụ Vũ Thị H được quyền sở hữu các tài sản gắn liền trên phần đất được giao gồm: 01 nhà mái bằng, không khung cột, mái BTCT, tường xây gạch đỏ 0,22m, nền lát gạch đỏ, cửa gỗ pano, có mắc điện dân dụng, dài 6,8m, rộng 6,5m, cao 3,7m, diện tích  $44,2\text{m}^2$ ; 01 bếp bán mái, lợp phibroximang, tường xây gạch xỉ vôi 0,15m, nền lát gạch hoa, cửa gỗ pano, có mắc điện dân dụng, dài 4,8m, rộng 2,1m, cao 2,2m, diện tích  $10,08\text{m}^2$ ; 01 nhà tắm + nhà vệ sinh bán mái, lợp phibroximang, tường xây gạch xỉ vôi 0,15m, nền láng vữa xi măng, có mắc điện, nước dân dụng, không có cửa, dài 2,6m, rộng 1,9m, cao 2,2m, diện tích  $4,94\text{m}^2$ ; 01 bể nước, tường xây gạch đỏ 0,11m, dài 1,9m, rộng 1,7m, sâu 1,3m, nắp BTCT, thể tích  $4,2\text{m}^3$ ; 01 đám sân bê tông đá 1x2, không cốt thép ở phía trước của nhà mái bằng, dài 8,4m, chiều rộng ở đầu phía bắc 5,2m, chiều rộng ở đầu phía nam 5,3m, diện tích  $44,1\text{m}^2$ ; 01 đám sân cỏ xỉ vôi láng vữa xi măng ở phía sau của nhà mái bằng, dài 3,57m, rộng 1,5m, diện tích  $5,355\text{m}^2$ ; 01 lán kho bán mái lợp tôn, tường xây gạch xỉ vôi 0,15m, nền láng vữa xi măng, cửa tôn sắt, có mắc điện dân dụng, dài 4,7m, rộng 2,5m, cao 2,2m, diện tích  $11,75\text{m}^2$ ; 01 đoạn tường bao tiếp giáp với đường dong của xóm, tường xây gạch đỏ 0,11m, dài 1,8m, cao 1,71m, diện tích  $3,07\text{m}^2$ ; 01 đoạn tường bao tiếp giáp với thửa đất của ông Hoàng Văn Sinh, tường xây gạch đỏ 0,11m, dài 3,01m, cao 1,8m, diện tích  $5,41\text{m}^2$ ; 01 đoạn tường bao tiếp giáp với thửa đất của NLQ4, tường xây gạch bi 0,15m, dài 2,2m, cao 1,92m, diện tích  $4,22\text{m}^2$ ; 01 đoạn bờ tường hoa đoạn liền kề với lán kho bán mái lợp tôn, tường xây gạch đỏ 0,11m, dài 0,45m, cao 0,8m, diện tích  $0,36\text{m}^2$  và các loại cây cối hoa màu gồm: 01 Cây táo: D15, cao 3m; 01 Cây bưởi: D15, cao 3m; 01 Cây cau: D20, cao 3m; 01 bụi đình lăng. Tổng giá trị tài sản là: 231.094.600đ.

6. Buộc cụ Vũ Thị H phải thanh toán giá trị tài sản cho NLQ 12 và NLQ13 số tiền là: 12.558.000đ (Mười hai triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng).

7. Giao cho ông Phạm Văn C được quyền quản lý, sử dụng và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật 142,5 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10-II, địa chỉ thửa đất: Thôn Ngõ Trang, xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, có các cạnh như sau: Cạnh phía Đông tiếp giáp với thửa đất của bà Đào (hướng Bắc – Nam) một đoạn dài 8,1m, một đoạn dài 14,1m, một đoạn dài 0,3m; cạnh phía Tây tiếp giáp với phần đất giao cho cụ Vũ Thị H (hướng Bắc - Nam) một đoạn dài 05m, một đoạn dài 1,6m, một đoạn dài 7,2m, một đoạn dài 1,8m, một đoạn dài 8,7m; cạnh phía Nam tiếp giáp với đường dong của xóm và phần đất giao cho cụ Vũ Thị H (hướng Đông - Tây) một đoạn dài 0,8m, một đoạn dài 2,2m, một đoạn dài 3,1m; cạnh phía Bắc tiếp giáp với đường sau làng dài 07m.

Giao cho ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị M được quyền sở hữu các tài sản gắn liền trên phần đất giao cho ông C gồm: 01 nhà mái bằng, khung, cột, mái BTCT, tường xây gạch đỏ 0,22m, nền lát gạch men liên doanh, cửa khung nhôm kính, cầu thang trong nhà, có mắc điện dân dụng, dài 12m, rộng 5,2m, cao 3,6m, diện tích 62,4m<sup>2</sup>; 01 tum bán mái ở trên mái của nhà mái bằng, lợp pibroximang, tường xây gạch đỏ 0,22m, cửa gỗ pano, dài 4,5m, rộng 3,7m, cao 2,2m, diện tích 16,65m<sup>2</sup>; 01 téc nước ở trên mái của nhà mái bằng, thể tích 1,5m<sup>3</sup>; 01 bán mái ở phía sau của nhà mái bằng, tường xây gạch bi 0,15m, mái lợp pibroximang, cửa sắt, nền láng vữa xi măng, có mắc điện dân dụng, dài 3,5m, rộng 2,4m, cao 2,2m, diện tích 8,4m<sup>2</sup>; 01 mái tôn ở phía trước của bán mái, không tường bao che, tuýp sắt D38, nền bê tông không cốt thép, dài 4,7m, rộng 4m, diện tích 18,8m<sup>2</sup>; 02 trụ cổng ở phía trước của thửa đất, xây gạch đỏ 0,4m x 0,4m x 2,3m x 2 = 0,736m<sup>3</sup>; 02 trụ cổng ở phía sau của thửa đất xây gạch đỏ 0,3m x 0,3m x 1,8m x 2 = 0,324m<sup>3</sup>; 01 đám sân bê tông đá 1x2, không cốt thép ở phía hông và ở phía trước của nhà mái bằng. Trong đó đám ở hông nhà, dài 4,5m, rộng 1,8m, diện tích 8,1m<sup>2</sup>. Đám ở trước nhà; một đoạn dài ở đầu phía Bắc 5,85m và ở đầu phía Nam 5,63m, rộng ở đầu phía Đông 3,7m và ở đầu phía tây 3,85m, diện tích 21,66m<sup>2</sup>; một đoạn dài ở đầu phía bắc 04 m và ở đầu phía nam 2,8m, rộng 0,5m, diện tích 1,7m<sup>2</sup>. Tổng diện tích là 31,46m<sup>2</sup>; 01 đám sân đồ xi vôi láng vữa xi măng ở trước cổng phía sau của thửa đất, dài 2,1m, rộng 2,1m, diện tích 4,41m<sup>2</sup>; 01 đoạn tường bao tiếp giáp với thửa đất của bà Vũ Thị Đào ( đoạn ở trước nhà mái bằng), xây gạch đỏ 0,11m, dài 4,93m, cao 2,1m, diện tích 10,35m<sup>2</sup>; 01 đoạn tường bao tiếp giáp với thửa đất của bà Vũ Thị Đào (đoạn ở sau bán mái nhà mái bằng), xây gạch đỏ 0,11m, dài 3,72m, cao 2,1m, diện tích 7,81m<sup>2</sup>; 01 đoạn tường bao ở phía sau của thửa đất, xây gạch bi 0,15m, dài 3,04m, cao 2,1m, diện tích 6,38m<sup>2</sup>; 01 đoạn bờ tường hoa liền kề với trụ cổng ở phía trước của thửa đất, xây gạch đỏ 0,11m, bờ trụ 0,25m x 0,25m, dài 2,75m, cao 0,8m, diện tích 2,2m<sup>2</sup>; 02 cánh cổng sắt ở phía trước của thửa đất, cổng sắt B40, khung tuýp sắt, rộng 1,7m, cao 1,8m, diện tích 3,06m<sup>2</sup>; 02 cánh cổng sắt ở phía sau của thửa đất, cổng sắt B40, khung tuýp sắt, rộng 1,6m, cao 1,6m, diện tích 2,56m<sup>2</sup>; 01 cây na: D15, cao 3m. Tổng giá trị tài sản là: 346.503.200đ.

Ngày 29/10/2018 NLQ12 là người được bị đơn uỷ quyền có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm vì tài sản trên đất do bố mẹ anh xây dựng, bà anh lấy đầu ra tiền, Toà án dựa vào lời khai người làm chứng không

trung thực để bác bỏ là không đúng. Việc chia đất không đúng luật, cắt vòng vèo, không cắt thẳng, anh không kiện lại buộc nộp án phí. Anh đề nghị xét xử lại.

Tại phiên toà phúc thẩm: Các đương sự lập biên bản thỏa thuận như sau:

1. Cụ Vũ Thị H thay đổi di chúc không cho ông Phạm Văn C được thừa kế phần quyền sử dụng đất của cụ Vũ Thị H trong khối tài sản chung với cụ Phạm Văn Nha, có diện tích 142,5m<sup>2</sup> tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10-II, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. Ông Phạm Văn C được quyền thừa kế quyền sử dụng 142,5m<sup>2</sup> đất (là phần quyền của cụ Phạm Văn Nha) tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10-II xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. (Có sơ đồ kèm theo).

3. Cụ Vũ Thị H được quyền sở hữu tất cả các tài sản, cây cối gắn liền trên phần đất thuộc quyền sử dụng của cụ H, trong đó có cả các tài sản do ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị M, NLQ 12 và NLQ13 xây dựng trên đất. Nhưng, cụ Vũ Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho NLQ 12 và NLQ13 12.558.000đ (Mười hai triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng).

4. Ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị M được quyền sở hữu toàn bộ các tài sản gắn liền trên phần đất được thừa kế của cụ Phạm Văn Nha, trong đó có cả các tài sản do cụ Vũ Thị H xây dựng trên đất.

5. Cụ Vũ Thị H có nghĩa vụ tự tháo dỡ một phần diện tích của bếp bán mái trên phần đất ông C được quyền sử dụng để bàn giao đất cho ông C (phần đất giao cho ông C đến vị trí nào của bếp thì cụ H sẽ tự tháo dỡ bếp đi đến đó và tự xây tường lại).

Hai bên cam kết sẽ tự nguyện thực hiện đúng nội dung thỏa thuận trên trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày 19/4/2019, cam kết chấm dứt mọi tranh chấp liên quan đến khối tài sản nêu trên. Ai vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Các đương sự đã thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo sự thỏa thuận của các đương sự.

### **XÉT THẤY:**

Ông C, bà M chỉ ủy quyền cho NLQ 12 tham gia tố tụng tại Toà án nhân dân huyện Vụ Bản, không ủy quyền cho NLQ 12 kháng cáo nên kháng cáo của NLQ 12 là không hợp lệ. Tuy nhiên, xét nguyên nhân một phần do Toà án nhân dân huyện Vụ Bản có sai sót là khi NLQ 12 nộp đơn kháng cáo đã không giải thích, còn nhận đơn và thông báo cho NLQ 12 nộp tạm ứng án phí kháng cáo và tại cấp phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận để đảm bảo sự đoàn kết trong nội bộ gia đình, thuận lợi cho công tác thi hành án và đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

Do các đương sự thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm nên người kháng cáo vẫn phải nộp toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Cụ Vũ Thị H thay đổi di chúc không cho ông Phạm Văn C được thừa kế phần quyền sử dụng đất của cụ Vũ Thị H trong khối tài sản chung với cụ Phạm Văn Nha, có diện tích 142,5m<sup>2</sup> tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10-II, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. (giữ nguyên quyền sử dụng của cụ Vũ Thị H đối với diện tích 142,5m<sup>2</sup> phía Tây của thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10-II, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định);

2. Giao cho ông Phạm Văn C được quyền thừa kế quyền sử dụng diện tích 142,5m<sup>2</sup> đất phía Đông (là phần quyền của cụ Phạm Văn Nha) tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10-II xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. (Có sơ đồ kèm theo);

3. Cụ Vũ Thị H được quyền sở hữu tất cả các tài sản, cây cối gắn liền trên phần đất phía Tây thuộc quyền sử dụng của cụ H, trong đó có cả các tài sản do ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị M, NLQ 12 và NLQ13 xây dựng trên đất. Nhưng, cụ Vũ Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho NLQ 12 và NLQ13 12.558.000đ (Mười hai triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng) (đã thanh toán xong);

4. Ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị M được quyền sở hữu toàn bộ các tài sản gắn liền trên phần đất phía Đông được thừa kế của cụ Phạm Văn Nha, trong đó có cả các tài sản do cụ Vũ Thị H xây dựng trên đất;

5. Cụ Vũ Thị H có nghĩa vụ tự tháo dỡ một phần diện tích của bếp bán mái trên phần đất ông C được quyền sử dụng (phần đất giao cho ông C đến vị trí nào của bếp thì cụ H sẽ tự tháo dỡ bếp đi đến đó và tự xây tường lại);

Cụ Vũ Thị H, ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị M, NLQ 12 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung thỏa thuận trên, tiến hành phân chia đất và bàn giao tài sản trên đất cho nhau trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 19/4/2019, cam kết chấm dứt mọi tranh chấp liên quan đến khối tài sản nêu trên. Ai vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ N và cụ H, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ H và ông C theo quyết định của bản án. Cụ Vũ Thị H có nghĩa vụ tạo điều kiện cho ông Phạm Văn C làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao.

6. Căn cứ vào khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án,

NLQ 12 phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng NLQ 12 đã nộp theo Biên lai số 09853 ngày 29/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định (NLQ 12 đã nộp đủ án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND+VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Vụ Bản;
- Chi cục THA huyện Vụ Bản;
- UBND xã L, V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Bạch Tuyết**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN THỎA THUẬN**

Hồi 8 giờ 30 ngày 19/4/2019 tại trụ sở Toà án tỉnh Nam Định

Chúng tôi gồm có:

*Người đại diện theo ủy quyền của cụ Vũ Thị H, NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11:* NLQ5 sinh năm 1965; ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị M, NLQ13:* NLQ 12, sinh năm 1982; ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định

Cùng tiến hành lập biên bản thoả thuận có nội dung như sau:

1. Vũ Thị H thay đổi di chúc không cho ông Phạm Văn C được thừa kế phần quyền sử dụng đất của cụ Vũ Thị H trong khối tài sản chung với cụ Phạm Văn Nha, có diện tích 142,5m<sup>2</sup> tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10-II, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. Ông Phạm Văn C được quyền thừa kế quyền sử dụng 142,5m<sup>2</sup> đất (là phần quyền của cụ Phạm Văn Nha) tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 10-II xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. (Có sơ đồ kèm theo).

3. Cụ Vũ Thị H được quyền sở hữu tất cả các tài sản, cây cối gắn liền trên phần đất thuộc quyền sử dụng của cụ H, trong đó có cả các tài sản do ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị M, NLQ 12 và NLQ13 xây dựng trên đất. Nhưng, cụ Vũ Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho NLQ 12 và NLQ13 12.558.000đ (Mười hai triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng) (đã thanh toán xong).

4. Ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị M được quyền sở hữu toàn bộ các tài sản gắn liền trên phần đất được thừa kế của cụ Phạm Văn Nha, trong đó có cả các tài sản do cụ Vũ Thị H xây dựng trên đất.

5. Cụ Vũ Thị H có nghĩa vụ tự tháo dỡ một phần diện tích của bếp bán mái trên phần đất ông C được quyền sử dụng (phần đất giao cho ông C đến vị trí nào của bếp thì cụ H sẽ tự tháo dỡ bếp đi đến đó và tự xây tường lại).

Hai bên cam kết sẽ tự nguyện thực hiện đúng nội dung thoả thuận trên trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày 19/4/2019, cam kết chấm dứt mọi tranh chấp liên quan đến khối tài sản nêu trên. Ai vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Biên bản lập xong đã đọc lại những người có tên trên nghe nhất trí và ký tên

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 10 giờ 50 phút ngày

Tại phòng nghị án trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

*Các Thẩm phán:* Bà Vũ Thị Thu

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: về “Tranh chấp đòi tài sản” giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Bị đơn:

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Quan điểm bà

Vì vậy, cần: Căn cứ vào

Tuyên nghĩa vụ thi hành án và biện pháp bảo đảm thi hành án

Quan điểm bà Thu và bà Tuyết: Nhất trí quan điểm bà Hồng

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 ý kiến nhất trí với nội dung trên.

Việc nghị án kết thúc vào hồi giờ 00 phút cùng ngày

Biên bản nghị án đã đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
TOÀ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

**Vũ Thị Thu**

**Nguyễn Thị Bạch Tuyết**

